

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1417/QĐ-ĐHSPTN2 ngày 22 tháng 7 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

*Tiếng Việt:* Văn học Việt Nam

*Tiếng Anh:* Vietnames Literature

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Văn học Việt Nam

Mã ngành: 8220121

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Văn học Việt Nam

Định hướng đào tạo: Định hướng ứng dụng

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Giảng dạy, quản lý chuyên môn và các vị trí khác thuộc chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Nghiên cứu sinh ngành Văn học Việt Nam hoặc ngành khác theo quy định.

Thời điểm xây dựng CTĐT: Tháng 7/2024.

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam theo định hướng ứng dụng giúp người học có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, khả năng làm việc độc lập và sáng tạo, có tư duy phản biện, năng lực hợp tác, năng lực phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản, năng lực ứng dụng các tri thức khoa học để xây dựng và triển khai hiệu quả các hoạt động ứng dụng trong lĩnh vực văn học Việt Nam.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
PO1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp.
PO2	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến lĩnh vực văn học Việt Nam. Có khả năng đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong các hoạt động chuyên môn văn học Việt Nam
PO3	Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu thông tin một cách khoa học và tiên tiến.
PO4	Phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong lĩnh vực văn học Việt Nam.
PO5	Phát triển năng lực truyền bá, phổ biến tri thức khoa học thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam.

PO6	Phát triển năng lực xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp, quy trình trong hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam
PO7	Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học và quản lí chuyên môn trong thực tiễn nhà trường
PO8	Phát triển năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả	Chỉ số thực hiện
<b>(1) Phẩm chất nghề nghiệp</b>		
PLO1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.	<p>PI 1.1: Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vào nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam.</p> <p>PI 1.2: Luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.</p>
<b>(2) Năng lực chung</b>		
PLO2	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	<p>PI 2.1. Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật.</p> <p>PI 2.2. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ.</p> <p>PI 2.3. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p>
<b>(3) Phẩm chất công dân</b>		
PLO3	Thể hiện sự trung thực, cầu thị, đoàn kết, hợp tác, tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.	<p>PI 3.1. Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, đoàn kết và hợp tác trong công việc.</p> <p>PI 3.2. Trung thực, có tư duy độc lập, sáng tạo trong công việc.</p>

<b>(4) Năng lực nghề nghiệp</b>		
PLO4	Khai thác hiệu quả các ứng dụng và vận dụng sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực văn học Việt Nam.	PI 4.1. Khai thác được các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực văn học Việt Nam. PI 4.2. Sử dụng có hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực văn học Việt Nam.
PLO5	Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong nghiên cứu văn học Việt Nam để xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp, quy trình trong lĩnh vực văn học Việt Nam	PI 5.1. Xây dựng được các giải pháp, quy trình trên cơ sở vận dụng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực văn học Việt Nam. PI 5.2. Triển khai có hiệu quả các các giải pháp, quy trình trong lĩnh vực văn học Việt Nam
PLO6	Ứng dụng, phát triển các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực văn học Việt Nam vào thực tiễn dạy học văn học Việt Nam ở trường phổ thông	PI 6.1. Ứng dụng được các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn dạy học Văn học Việt Nam. PI 6.2. Phát triển được các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực văn học Việt Nam vào thực tiễn dạy học văn học Việt Nam ở trường phổ thông
PLO7	Vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học Việt Nam để triển khai các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực văn học Việt Nam.	PI 7.1. Triển khai được các nghiên cứu ứng dụng trong đó có vận dụng các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học Việt Nam.
PLO8	Phổ biến kết quả nghiên cứu, giải pháp thực tiễn trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành văn học Việt Nam.	PI 8.1. Trình bày được kết quả nghiên cứu tại các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành văn học Việt Nam.
PLO9	Phân tích, đánh giá được kết quả cải tiến các nhiệm vụ thực tiễn và đề xuất được một số giải pháp dạy học thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam.	PI 9.1. Phân tích, đánh giá được kết quả cải tiến các nhiệm vụ thực tiễn thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam. PI 9.2. Đề xuất được một số giải pháp dạy học thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam.
PL10	Tổ chức hội nghị khoa học và các sinh hoạt học thuật chuyên ngành văn học Việt Nam.	PI 10.1. Tổ chức được hội nghị khoa học, các sinh hoạt học thuật chuyên ngành văn học Việt Nam.

## 2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra		Mục tiêu chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (định hướng ứng dụng)							Tổng
		Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên							
		Kiến thức nền tảng	Kỹ năng chuyên sâu	Khả năng làm việc độc lập và sáng tạo	Tư duy phản biện	Năng lực hợp tác	Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề	Triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu	
PLO1	PI1.1.			x		x			2
	PI1.2.					x			1
PLO2	PI2.1.	x			x				2
	PI2.2.	x			x				2
	PI2.3.	x			x				2
PLO3	PI3.1.					x			1
	PI3.2.					x			1
PLO4	PI4.1.	x		x			x		3
	PI4.2.	x	x				x		3
PLO5	PI5.1.	x	x				x		3
	PI5.2.	x	x				x		3
PLO6	PI6.1.			x			x		2
	PI6.2.		x	x			x	x	4
PLO7	PI7.1.		x					x	2
PLO8	PI8.1.			x		x	x	x	4
PLO9	PI9.1		x			x	x	x	4
	PI9.2		x				x	x	3
PL10	PI10.1							x	1
<b>Tổng:</b>		<b>4</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	

## 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>I</b>	<b>Kiến thức chung</b>	<b>11</b>
I.1	Bắt buộc	4
I.2	Tự chọn	7
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>14</b>
II.1	Bắt buộc	6
II.2	Tự chọn	8
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>20</b>
III.1	Bắt buộc	15
III.2	Tự chọn	5
<b>IV</b>	<b>Thực tập</b>	<b>6</b>
<b>V</b>	<b>Đồ án/Dự án tốt nghiệp</b>	<b>9</b>
	<b>TỔNG</b>	<b>60</b>

## **4. Chuẩn đầu vào**

### **4.1. Chuẩn đầu vào**

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

### **4.2. Danh mục ngành phù hợp**

- CNSP Ngữ văn
- CN Văn học

### **4.3. Danh mục ngành phải học bổ sung kiến thức**

Ứng viên thuộc các ngành sau đây có thể tham gia thi/xét tuyển nhưng cần học bổ sung kiến thức:

- Sư phạm Văn - Sử, Văn - Địa, Văn - Giáo dục công dân.
- Cử nhân Ngôn ngữ học
- Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam
- Sáng tác văn học
- Văn hóa học
- Việt Nam học

— *Lưu ý: Các ngành khác sẽ do Hội đồng chuyên môn Ngành Văn học.Việt Nam xem xét, quyết định.*

## **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **5.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo.
- Hoàn thành 01 Đồ án/Dự án khoa học trong thời gian ít nhất là 03 tháng.

### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ Đồ án/Dự án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố,



hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## **6. Cách thức đánh giá**

### **6.1. Chiến lược đánh giá**

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

### **6.2. Đánh giá kết quả học tập**

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

#### **6.2.1. Đánh giá học phần**

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

#### **6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ**

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

#### **6.2.3. Đánh giá Đồ án/Dự án tốt nghiệp**

Đồ án/Dự án tốt nghiệp được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá. Điểm Đồ án/Dự án là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá theo thang điểm 10. Đồ án/Dự án tốt nghiệp được xếp

loại Đạt khi điểm Đề án/Dự án lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những Đề án/ Dự án tốt nghiệp thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước. Trong trường hợp Đề án/ Dự án tốt nghiệp không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung Đề án/Dự án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá đề án lần thứ ba.

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần học trước(1)/Tiên quyết(2)/Song hành(3)
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			<b>11</b>						
<b>I.1. Bắt buộc</b>			<b>4</b>						
1	Triết học	PHI 502	4	42	36			122	
<b>I.2. Tự chọn</b>			<b>7</b>						
<b>I.2.1. Nhóm 1: Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ sau)</b>			<b>7</b>						
<i>Tiếng Anh</i>			<b>7</b>						
2	Tiếng Anh B2.1	ENG 101	4	30	60			110	
3	Tiếng Anh B2.2	ENG 102	3	30	30			90	(1) ENG 101
<i>Tiếng Trung Quốc</i>									
4	Tiếng Trung Quốc 1	CHI 101	4	30	60			110	(1) CHI 101
5	Tiếng Trung Quốc 2	CHI 102	3	30	30			90	(1) CHI 102
<b>I.2.2. Nhóm 2 (Dành cho lưu học sinh)</b>			<b>7</b>						
6	Tiếng Việt nâng cao	VIE 104	4	45	60			95	
7	Lịch sử, địa lí, văn hóa Việt Nam	VIE 105	3	30	30			90	
<b>II. Khối kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>14</b>						
<b>II.1. Bắt buộc</b>			<b>6</b>						
8	Ngôn ngữ và văn học	MLS201	3	30	30			90	
9	Văn học viết địa phương	MAL202	3			50	100		
<b>II.2. Tự chọn (chọn 4 trong số 10 học phần)</b>			<b>8</b>						

10	Ứng dụng lí thuyết văn học so sánh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	MLT216	2	15	30			55	
11	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường	MMP204	2	15	30			55	
12	Chương trình, phương pháp và kĩ năng dạy học hiện đại	MMP205	2	15	30			55	
13	Ứng dụng lí luận văn học trong dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông	MLT206	2	15	30			55	
14	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông	MLT207	2	15	30			55	
15	Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại và ứng dụng vào dạy đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông	MVL219	2	15	30			55	
16	Đặc trưng văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945 và ứng dụng vào dạy đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông	MVL221	2	15	30			55	
17	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975 và ứng dụng vào dạy học thơ ở trường phổ thông	MVL222	2	15	30			55	
18	Ngôn ngữ nghệ thuật và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông	MLS223	2	15	30			55	
19	Thi pháp học	MLT 203							
<b>III. Khối kiến thức chuyên ngành</b>			<b>20</b>						
<b>III.1. Bắt buộc</b>			<b>15</b>						
20	Văn học dân gian địa phương	MAL301	3			50	100		
21	Văn học dân gian dưới góc nhìn văn hóa	MVL302	3	30	30			90	
22	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại	MVL303	3	30	30			90	
23	Những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	MVL304	3	30	30			90	
24	Những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam từ sau 1945	MVL305	3	30	30			90	
<b>III.2. Tự chọn (Chọn 02 trong số các học phần sau với tổng tín chỉ là 05)</b>			<b>5</b>						
25	Thi pháp truyện cổ tích	MVL306	3	30	30			90	



26	Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa	MVL307	3	30	30			90	
27	Truyền thống và cách tân trong phong trào Thơ mới 1932- 1945	MVL308	3	30	30			90	
28	Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại	MVL309	3	30	30			90	
29	Tác phẩm văn học chữ Hán ở trường trung học	MVL310	3	30	30			90	
30	Kịch Việt Nam hiện đại	MVL311	2	15	30			55	
31	Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại	MVL312	2	15	30			55	
32	Thơ Việt Nam 1945- 1975	MVL313	2	15	30			55	
33	Đổi mới văn xuôi Việt Nam sau 1975	MVL314	2	15	30			55	
34	Sự vận động của thể loại trong văn học Việt Nam thế kỉ XX	MVL316	2	15	30			55	
<b>IV</b>	<b>Thực tập</b>	MAL401	<b>6</b>						
<b>V</b>	<b>Đề án/Dự án tốt nghiệp</b>	MAL500	<b>9</b>						
<b>TỔNG CỘNG:</b>			<b>60</b>						

### 7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra																	
	PLO1		PLO2			PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	PLO8	PLO9		PL10
	PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 8.1	PI 9.1	PI 9.2	PI 10.1
PHI 502	T	T				T	T											
ENG 101			T	T	T													
ENG 102			T	T	T													
CHI 101			T	T	T													
CHI 102			T	T	T													
VIE 104	I	I	U	U	U													
VIE 105	I	I	U	U	U													
MLS201	I	I						I	I		U	T, A						
MAL202	I	I						I	I	U	U	T	U	U				
MLT216	I	I						I	I	U	U	T						
MMP204	I	I						I	I			T	T					
MMP205	I	I						I	I			T	T					
MMP206	I	I						I				T	T					
MLT207	I	I						I	I			T	T					
MVL219	I	I						I	I	U	U	T	T					
MVL221	I	I						I	I			T	T					
MVL222	I	I						I	I			T	T					
MLS223	I	I						I	I	T	U							
MLT203												T	T					
MAL301	I	I						I	I			T						
MVL302	I	I						I	I	U	U	T, A	T					
MVL303	I	I						I	I			T, A	T					
MVL304	I	I						I	I			T, A	T					
MVL305	I	I						I	I			T, A	T					

MVL306	1	1						1	1			T	T					
MVL307	1	1						1	1			T	T					
MVL308	1	1						1	1			T	T					
MVL309	1	1						1	1			T	T					
MVL310	1	1						1	1			T	T					
MVL311	1	1						1	1			T	T					
MVL312	1	1						1	1			T	T					
MVL313	1	1						1	1			T	T					
MVL314	1	1						1	1			T	T					
MVL316	1	1						1	1			T	T					
MAL401	1	1						1	1			T, A	T, A			T	T	T
MAL500	1	1						1	1			T, A	T, A	T	T	T	T	T

## 8. Mô tả tóm tắt các học phần

### 8.1. Triết học

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

### 8.2. Tiếng Anh B2.1

Tiếng Anh B2.1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho học viên khối kiến thức cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh đó, học phần giúp học viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng phát âm Tiếng Anh. Học phần cũng bước đầu định hướng và giúp học viên làm quen với các định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ.

### 8.3. Tiếng Anh B2.2

Tiếng Anh B2.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ và được giảng dạy sau học phần Tiếng Anh B2.1. Học phần này tiếp tục trang bị cho học viên khối kiến thức mở rộng cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, học phần giúp phát triển tư duy phản biện cho học viên thông qua các chủ đề và nhiệm vụ học tập sử dụng tiếng Anh. Học viên cũng được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ.

### 8.4. Tiếng Trung Quốc 1

Môn Tiếng Trung Quốc 1 sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp (giáo trình HSK1 tiêu chuẩn), cung cấp cho người học cách đọc phiên âm, các nét cơ bản và quy tắc cơ bản của cách viết chữ Hán, biết cách viết chữ Hán đúng quy tắc đồng thời có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung. Người học biết cách sử dụng các từ vựng giai đoạn sơ

cấp và các hiện tượng ngữ pháp căn bản. Số lượng từ vựng cần nắm được là 300-500 từ theo “*Bộ tiêu chuẩn mới về giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài*”.

### **8.5. Tiếng Trung Quốc 2**

Môn Tiếng Trung Quốc 2 sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp các kiến thức (giáo trình HSK2 tiêu chuẩn), thông qua bài khóa, hội thoại và bài tập, sinh viên biết giao tiếp được những chủ đề thông thường trong cuộc sống như: giới thiệu gia đình, sở thích, ngày tháng năm, nơi mình học tập sinh sống. Thông qua môn học này, người học sẽ nắm được các phần ngữ pháp trong tâm, câu đơn, câu phức, các loại bổ ngữ... Học phần Tiếng Trung Quốc 2 là môn học tiếp nối học phần Tiếng Trung Quốc 1 giúp người học củng cố, phát triển kỹ năng và kiến thức. Số lượng từ vựng cần nắm được là 500-1272 từ theo “*Bộ tiêu chuẩn mới về giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài*”.

### **8.6. Tiếng Việt nâng cao**

Học phần này giúp học viên nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Việt để đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ. Nội dung học phần tập trung tăng cường hệ thống từ vựng, nhất là những thuật ngữ trong lĩnh vực giáo dục, rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, trong đó, chú ý việc đọc các tài liệu học thuật, viết các báo cáo nghiên cứu và trình bày, trao đổi, thảo luận về một vấn đề nghiên cứu tự nhiên hoặc xã hội.

### **8.7. Lịch sử, địa lý, văn hóa Việt Nam**

Học phần giúp người học hiểu được tiến trình lịch sử, đặc điểm thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt Nam, đồng thời trang bị cho người học những kiến thức về vị trí địa lý và lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi - biển, đất sinh vật, vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

### **8.8. Ngôn ngữ và văn học**

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học; giúp người học hiểu, giải thích được bản chất của hoạt động giao tiếp văn chương, đặc biệt là vai trò của tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương. Từ đó vận dụng những tri thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn chương, về tín hiệu thẩm mỹ văn chương để phục vụ hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh phổ thông và phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học thuộc chuyên ngành ngôn ngữ như *Ngôn ngữ nghệ thuật*.

### **8.9. Văn học viết địa phương**

Học phần hướng dẫn người học tìm hiểu thực tế về các tác gia, tác phẩm văn học hiện đại ở các địa phương, nhất là địa phương đang sinh sống hoặc công tác. Trên cơ sở vận dụng một số phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, người học sẽ thống kê, xác định và đánh giá được những hiện tượng văn học tại địa phương. Học phần có

mối quan hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như: *Ngôn ngữ và văn học, Văn học dân gian địa phương...*

#### **8.10. Ứng dụng lí thuyết văn học so sánh vào dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông**

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về văn học so sánh như: khái niệm, các chủ đề văn học so sánh, các trường phái văn học so sánh... Đặc biệt, nó hướng người học tới việc vận dụng lí thuyết này vào việc dạy học các văn bản văn học ở trường phổ thông. Trên cơ sở văn học so sánh, các văn bản văn học ở các quốc gia khác nhau được trích dạy trong sách giáo khoa sẽ được đặt cạnh nhau, đối sánh để thấy những điểm gặp gỡ và khác biệt. Từ đó thấy được tương đồng trong ngữ cảnh sống, trong số phận con người cũng như những nét đặc thù của quốc gia, dân tộc.

#### **8.11. Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường**

Học viên tiếp tục nghiên cứu mở rộng vấn đề dạy học môn Ngữ văn trong bối cảnh quốc tế với các xu hướng đổi mới. Thông qua học phần này, học viên được tiếp cận với các nghiên cứu quốc tế về ngôn ngữ và văn học, đánh giá theo tiếp cận năng lực, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới thiết kế bài học...

#### **8.12. Chương trình, phương pháp và kĩ năng dạy học hiện đại**

Học phần trang bị cho học viên những lí thuyết nền tảng của Lí luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề lí thuyết khoa học và các kĩ năng phát triển chương trình, kĩ năng dạy học và phương pháp dạy học hiện đại hướng vào người học, hoạt động học tập và sự phát triển của người học.

#### **8.13. Ứng dụng lí luận văn học trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông**

Ở trình độ đại học, người học mới được tìm hiểu về các vấn đề chung về lí luận văn học. Khi học cao học, học viên sẽ tiếp tục được ứng dụng các lý thuyết lí luận văn học vào dạy học môn Ngữ văn. Từ đó, người học có thể phát triển chương trình học phần, thiết kế các nội dung giảng dạy và hiểu được cách thức, phương pháp giảng dạy nội dung đó

#### **8.14. Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông**

Học phần giúp người học đi sâu nghiên cứu, phân tích những đặc trưng cơ bản của văn học nước ngoài; so sánh các văn bản văn học trong và ngoài nước; tìm hiểu những khó khăn khi giảng dạy văn học nước ngoài ở phổ thông; từ đó, giúp người học phát triển khả năng cảm thụ, phân tích, giảng dạy tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường.

#### **8.15. Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại và ứng dụng vào việc dạy đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông**

Học phần giúp người học tìm hiểu sâu hơn về những đặc trưng của văn học Việt Nam trung đại: quy phạm - bất quy phạm, văn tự, thể loại, khuynh hướng sáng tác, ngôn ngữ...; đặt tác phẩm văn học trung đại trong bối cảnh văn hóa đương thời. Từ đó, xác



định phương pháp luận và phương pháp dạy đọc hiểu văn bản văn học trung đại ở trường phổ thông

#### **8.16. Đặc trưng văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945 và ứng dụng vào việc dạy đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông**

Học phần tiếp tục mở rộng, đào sâu phát triển các nội dung khoa học về văn xuôi Việt Nam 1930 -1945; nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy văn xuôi Việt Nam hiện đại trong trường THPT; phát triển các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn xuôi hiện đại một cách khoa học và có hiệu quả.

#### **8.17. Đối mới thơ Việt Nam sau 1975 và ứng dụng vào việc dạy học thơ ở trường phổ thông**

Học phần bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; phát triển những kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả, từ đó, định hướng về phương pháp luận và phương pháp dạy học thơ ở trường phổ thông.

#### **8.18. Ngôn ngữ nghệ thuật**

Học phần *Ngôn ngữ nghệ thuật* cung cấp cho học viên các nội dung nghiên cứu về: Cơ sở lí thuyết của việc tiếp cận ngôn ngữ nghệ thuật (Những vấn đề chung về nghệ thuật, lí thuyết tín hiệu học và lí thuyết ngôn ngữ học, cơ sở tâm lí học-văn hóa học), bản chất và chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng của văn bản nghệ thuật; đồng thời học phần trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản văn học nghệ thuật của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Từ những tri thức đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông hoặc vận dụng vào mục đích nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật.

#### **8.19. Thi pháp học**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp học như: một số vấn đề cơ bản của thi pháp học hiện đại (quan niệm, đối tượng, cách tiếp cận đặc trưng; phân biệt thi pháp học với phong cách học, lí luận văn học); những khuynh hướng nghiên cứu và thành tựu của thi pháp học (Thi pháp học khái quát, Thi pháp học mô tả, Thi pháp học lịch sử); Tiềm năng và những giới hạn của thi pháp học.

#### **8.20. Văn học dân gian địa phương**

Học phần hướng dẫn người học thâm nhập thực tế tìm hiểu thực tiễn về đời sống văn học dân gian tại địa phương. Trên cơ sở vận dụng một số phương pháp nghiên cứu văn học dân gian đặc thù như phương pháp điền dã, phương pháp so sánh loại hình, phương pháp liên ngành, người học sẽ sưu tầm, hệ thống hoá và đưa ra được những đánh giá về đời sống văn học dân gian và có thể đề xuất nội dung văn học dân gian địa phương cho chương trình.



### **8.21. Văn học dân gian dưới góc nhìn văn hóa**

Học phần tập trung vào các vấn đề cơ bản: Mối quan hệ giữa văn hóa và văn học dân gian; Những biểu hiện cụ thể của văn hóa trong văn học dân gian; Xác định và giải mã các yếu tố văn hóa trong văn học dân gian qua một số trường hợp cụ thể... Ngoài giờ lí thuyết, học viên còn có khối lượng giờ tự học tự nghiên cứu thông qua các vấn đề có tính gợi mở để nâng cao kiến thức, kĩ năng tiếp nhận, nghiên cứu tác phẩm, thể loại văn học dân gian từ góc độ văn hóa. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu văn học dân gian, Thi pháp truyện cổ tích, ...*

### **8.22. Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại**

Học phần tập trung vào việc giới thiệu các phương pháp nghiên cứu văn học Việt Nam trung đại. Từ đó, ứng dụng vào nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa; Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại, ...*

### **8.23. Những vấn đề cơ bản của Văn học Việt Nam từ đầu TK XX đến 1945**

Học phần mở rộng, đào sâu những vấn đề văn học Việt Nam, chú trọng đến những vấn đề, các hiện tượng - sự kiện quan trọng để tạo một cách nhìn mới, hệ thống và có chiều sâu bổ sung cho kiến thức văn học sử; bổ sung, cập nhật những tư liệu mới, những kết quả nghiên cứu mới về giai đoạn văn học này. Học phần này cũng hướng dẫn và phát triển tư duy khoa học về các vấn đề văn học sử, lí luận văn học (văn học và tiếp nhận; văn học và xã hội; năng lực nội sinh và những ảnh hưởng ngoại nhập; văn học và văn hóa...), phát triển các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn học sử, nâng cao trình độ giảng dạy của học viên. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945...*

### **8.24. Những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam từ sau 1945**

Môn học trang bị cho học viên tổng quan về hình nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu và quan điểm đánh giá văn học Việt Nam sau 1945. Từ đó, xác định quan điểm khoa học trong tiếp cận và đánh giá một số vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam sau 1945: đặc trưng cơ bản, quan niệm nghệ thuật về con người, sự vận động và thành tựu của các thể loại chính. Từ đó, học viên vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy về tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam sau 1945. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác về văn học Việt Nam hiện đại.

### **8.25. Thi pháp truyện cổ tích**

Giới thiệu chuyên sâu đặc điểm thi pháp truyện cổ tích. Đây là thể loại được đánh giá là lớn bậc nhất trong loại hình tự sự dân gian, bao gồm các tiểu loại: truyện cổ tích loài vật, truyện cổ tích thần kì, truyện cổ tích sinh hoạt. Với mỗi tiểu loại cổ tích, học phần tập trung nhận diện và phân tích những đặc điểm riêng trên các phương diện: nhân vật, xung đột, kết cấu, không – thời gian nghệ thuật... Ngoài giờ lí thuyết trên lớp, học viên được định hướng tự học tự nghiên cứu để mở rộng và nâng cao kiến thức về thi pháp truyện cổ tích. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu văn học dân gian, Nghiên cứu văn học dân gian dưới góc nhìn văn hóa, ...*

### **8.26. Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa**

Học phần trình bày lí thuyết tiếp cận văn hoá học và ứng dụng lí thuyết vào việc nghiên cứu văn học Việt Nam trung đại, chỉ ra sự cần thiết ứng dụng các tri thức văn hoá vào giải mã tác phẩm văn học trên các cấp độ khác nhau. Từ đó, áp dụng phân tích các tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam trung đại, đặc biệt là *Truyện Kiều* và các tác phẩm được giảng dạy trong chương trình phổ thông. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại, ...*

### **8.27. Truyền thống và cách tân trong phong trào Thơ mới**

Học phần này nghiên cứu mở rộng, đào sâu những vấn đề về phong trào Thơ mới mà học viên ngành sư phạm Ngữ văn đã được trang bị ở bậc Đại học. Cái mới của học phần này ở trình độ đào tạo Thạc sĩ là: Bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; nâng cao hơn nữa trình độ nghiên cứu và giảng dạy phần Thơ mới ở môn Ngữ văn trong trường THPT. Sau khi tiếp cận học phần này, học viên Cao học sẽ phát triển được những kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề Thơ mới một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Những vấn đề cơ bản của Văn học Việt Nam từ đầu TK XX đến 1945, Thơ Việt Nam 1945-1975, ...*

### **8.28. Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại**

Học phần có cái nhìn khái quát và chuyên sâu về thể loại truyện thơ Nôm/ *Truyện Kiều*; mối quan hệ truyện thơ Nôm và *Truyện Kiều* đối với truyền thống tự sự bằng văn vần trong văn học Đông Nam Á; mối quan hệ truyện thơ Nôm và *Truyện Kiều* từ sự tiếp biến văn học Trung Hoa thời trung đại; vấn đề phân loại; những chủ đề chính, những đặc trưng thi pháp cơ bản (kết cấu cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, thời gian không gian nghệ thuật... trong mối quan hệ chặt chẽ với nội dung tác phẩm; gợi mở vấn đề nghiên cứu, giảng dạy truyện thơ Nôm/ *Truyện Kiều* trong nhà

trường). Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại; Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại,...*

### **8.29. Tác phẩm văn học chữ Hán ở trường trung học**

Trên cơ sở các tư liệu về văn bản các tác phẩm văn học chữ Hán ở phổ thông (hệ thống dị bản, bản sao, bản dịch) tiến hành phân tích, so sánh, đối chiếu, biện luận để tìm ra một văn bản có tính quy phạm, khả dĩ phản ánh trung thực nhất ý đồ của người tạo tác ra văn bản. Từ đó, căn cứ vào chữ nghĩa của văn bản, tiến hành giải thích, phân tích văn bản một cách chi tiết, nhằm cung cấp những định hướng cho tìm hiểu, giảng dạy các phương diện giá trị của tác phẩm. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa; Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại; Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại; Những vấn đề của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945,...*

### **8.30. Kịch Việt Nam hiện đại**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kịch Việt Nam hiện đại. Thấy được sự vận động, phát triển mang tính quy luật của kịch qua các giai đoạn; Thấy rõ đặc sắc kịch Việt Nam qua từng giai đoạn phát triển, tư tưởng chủ đạo và những thành tựu tiêu biểu của kịch Việt Nam; Những đóng góp của một số kịch gia tiêu biểu trong quá trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác về văn học Việt Nam hiện đại.

### **8.31. Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại**

Học phần trình bày một cách khái quát và chuyên sâu những vấn đề xoay quanh các thể loại văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; những đặc điểm nội dung và thi pháp của từng thể loại; văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại trong mối quan hệ văn xuôi tự sự khu vực Đông Á. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại; Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa; Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại,...*

### **8.32. Thơ Việt Nam 1945-1975**

Học phần này nghiên cứu mở rộng, chuyên sâu những vấn đề về thơ Việt Nam mà học viên đã được trang bị ở bậc Đại học. Cái mới của học phần này ở trình độ đào tạo Thạc sĩ là: Bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy phần thơ Việt Nam giai đoạn 1945-1975 trong

chương trình Ngữ văn ở trường THPT. Sau khi học học phần này, học viên cao học sẽ phát triển được những kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Truyền thống và cách tân trong phong trào Thơ mới, Những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam từ sau 1945,...*

### **8.33. Đổi mới văn xuôi Việt Nam sau 1975**

Môn học trang bị cho học viên kiến thức sâu rộng về bức tranh toàn cảnh của đổi mới văn xuôi Việt Nam sau 1975: quá trình vận động, phát triển, những khuynh hướng chủ yếu, những đổi mới cơ bản về tư tưởng và hình thức nghệ thuật, tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những đóng góp của văn xuôi sau 1975 đối với tiến trình văn học Việt Nam. Từ đó, học viên vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy chuyên sâu về tác giả, tác phẩm văn xuôi Việt Nam sau 1975. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác về văn học Việt Nam hiện đại.

### **8.34. Tiểu thuyết Việt Nam nửa sau thế kỉ XX**

Môn học trang bị cho học viên tri thức chuyên sâu về thể loại tiểu thuyết Việt Nam nửa sau thế kỉ XX ở các phương diện: quá trình vận động, phát triển, đặc điểm, thành tựu, tác giả, tác phẩm tiêu biểu, sự đa dạng về bút pháp... Người học đánh giá được vị trí và đóng góp quan trọng của thể loại tiểu thuyết Việt Nam nửa sau thế kỉ XX đối với tiến trình văn học dân tộc. Từ đó, người học có kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu về đặc trưng thể loại tiểu thuyết hiện đại. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác về văn học Việt Nam hiện đại.

### **8.34. Thực tập**

Thực tập là hoạt động thực tiễn, trải nghiệm nghề nghiệp bắt buộc đối với học viên, đòi hỏi học viên phải tiến hành vận dụng các kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực văn học Việt Nam đã được trang bị trong chương trình đào tạo vào thực tiễn giáo dục tại các nhà trường hoặc các cơ sở giáo dục và đào tạo. Trong đó, tập trung vào việc xây dựng và triển khai hiệu quả các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn dạy văn học Việt Nam; nhận diện, mô tả, phân tích, đánh giá, cải tiến hiệu quả dạy văn học Việt Nam trong thực tiễn nhà trường.

### **8.35. Đồ án/Dự án tốt nghiệp**

Đồ án/Dự án tốt nghiệp giúp học viên ứng dụng những kiến thức liên ngành, chuyên ngành văn học Việt Nam và các kỹ năng nghiên cứu vào tìm hiểu, phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực văn học Việt Nam, đồng thời đề xuất và chứng minh tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất. Kết quả của việc triển khai Đồ án/Dự án tốt nghiệp được thể hiện dưới dạng một bản báo cáo (bản thuyết minh) quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đồ án), đáp ứng các yêu cầu: (i) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, biện pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức



trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng tri thức khoa học vào giải quyết vấn đề của học viên; (ii) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; (iii) Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

## **9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo**

### **9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

#### **9.1.1. Nhà trường**

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

#### **9.1.2. Phòng Đào tạo**

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

#### **9.1.3. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn**

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

#### **9.1.4. Học viên**

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.

- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

## **9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo**

### **9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.



- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

#### 9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

#### 9.2.3. Công bố chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

#### 9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Nguyễn Quang Huy**